

**Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright**  
Học kỳ Hè, năm 2018  
**Thẩm định Đầu tư công**

**Bài Tập 3**

**Ngày Phát: Thứ ba 06/08/2018**

**Ngày Nộp: Thứ ba 20/08/2018**

**Hạn nộp: 8h20, Thứ Hai, ngày 20 tháng 08 năm 2018**

(Học viên nộp bản điện tử tại địa chỉ: <https://www.fsppm.fuv.edu.vn/vn/dang-nhap/>)

**Lưu ý:**

- Học viên trình bày bài làm trên Word và nộp cả bản in và bản điện tử
- Đối với bản điện tử, học viên được yêu cầu nộp cả file excel cho các phần tính toán. Lưu ý, các thông số đề bài cung cấp cũng phải được đưa vào bảng tính Excel.

Một dự án sản xuất khí điện đạm tại Việt Nam đã được đề xuất vào năm 2015. Nguồn nguyên liệu chính của dự án là khí tự nhiên từ khu mỏ tại vùng biển ngoài khơi nơi dự án được đầu tư và đưa vào Dự án bằng đường ống dẫn khí. Các nhà đầu tư cho rằng giá khí thấp hiện nay là yếu tố thuận lợi để đầu tư, thị trường trong nước tương đối thấp. Đứng ở vai trò của người phê duyệt và cấp phép đầu tư, tính khả thi kinh tế là yếu tố bắt buộc. Để đánh giá tính khả thi về mặt kinh tế, một số hạng mục quan trọng từ Mô hình tài chính phải được chuyển đổi sang chi phí hoặc mức giá kinh tế.

**Câu 1: Điều chỉnh chi phí đầu tư**

Tổng vốn đầu tư của dự án (bao gồm các hạng mục thiết bị, xây lắp, chi phí khác, dự phòng tăng chi phí thực, nhưng chưa tính dự phòng lạm phát và lãi vay trong thời gian xây dựng) vào khoảng 18 ngàn tỷ VNĐ. Dự kiến, vốn đầu tư này sẽ được thực hiện trong 4 năm từ 2016 đến 2019 để hoàn thành xây dựng dự án. Cụ thể chi phí đầu tư từng hạng mục trả bằng VNĐ và USD như sau:

<b>Chi phí đầu tư trong nước (tỷ VNĐ, giá 2015)</b>						
Thiết bị	Tỷ VNĐ	1341				
Xây lắp	Tỷ VNĐ	2857				
Chi phí khác	Tỷ VNĐ	938				
Dự phòng tăng chi phí thực bằng 10% tổng chi phí đầu tư thiết bị, xây lắp và chi phí khác						
			2016	2017	2018	2019
Tiến độ đầu tư theo tỷ lệ chi phí đầu tư theo giá thực của thiết bị, xây lắp, chi phí khác và dự phòng tăng chi phí thực						
			23,2%	46,3%	18,7%	11,8%

**Mỗi năm trong thời gian đầu tư, chi phí lao động phổ thông chiếm 26% tổng chi phí xây lắp trong nước.**

<b>Chi phí đầu tư nhập khẩu từ nước ngoài (triệu USD, giá 2015)</b>				
Thiết bị	Triệu USD	424		
Xây lắp	Triệu USD	53		
Chi phí khác	Triệu USD	45		
Dự phòng tăng chi phí thực bằng 8% tổng chi phí đầu tư thiết bị, xây lắp và chi phí khác				
			2016	2017
Tiến độ đầu tư theo tỷ lệ chi phí đầu tư theo giá thực của thiết bị, xây lắp, chi phí khác và dự phòng tăng chi phí thực				
			17,6%	34,9%
			29,5%	18,0%

Lạm phát VNĐ và USD được giả định không đổi so với mức lạm phát hiện tại năm 2015 lần lượt là 6% và 3%. Tỷ giá năm 2015 là 22.000 VND/USD. Tỷ giá được điều chỉnh theo nguyên lý ngang bằng sức mua.

Hệ số tỷ giá hối đoái kinh tế và hệ số lương kinh tế lần lượt là 1,06 và 0,80. Các khoản chi phí không phải là hàng ngoại thương và không liên quan đến lao động phổ thông giả định có hệ số chuyển đổi là 1, tức chi phí tài chính và kinh tế là bằng nhau.

**Anh/chị hãy tính dòng ngân lưu chi phí đầu tư tài chính theo giá danh nghĩa và dòng ngân lưu chi phí đầu tư kinh tế theo giá thực. Giải thích về sự khác biệt giữa 02 dòng ngân lưu này theo từng yếu tố tác động?**

**Câu 2: Tính giá kinh tế của hàng ngoại thương**

Toàn bộ sản lượng đạm của dự án sản xuất sẽ được tiêu thụ trên thị trường trong nước, và giá bán đạm tài chính phụ thuộc vào giá đạm trên thị trường thế giới, chi phí bốc xếp, lưu kho và hao hụt tại cảng, chi phí vận chuyển từ cảng đến thị trường và ngược lại, chi phí vận chuyển từ dự án tới thị trường và ngược lại như bảng thông số bên dưới. Anh/chị hãy xác định giá tài chính của dự án vào năm 2015 (theo đơn vị tính là 1000 VND/tấn).

Hạng mục	ĐVT	Năm 2015
Hệ số tỷ giá hối đoái kinh tế (SERF)		1,06
Hệ số lương kinh tế (SWRF)		0,80
Giá đạm, giá CIF, 2015	USD/tấn	270,00
Thuế nhập khẩu		10%
Phí bốc xếp, lưu kho và hao hụt tại cảng	1000 VND/tấn	40,00
Hàm lượng ngoại thương trong chi phí tại cảng		40%
Tỷ lệ lao động phổ thông trong chi phí tại cảng		30%
Phần còn lại có hệ số chuyển đổi giả định		1,00
Phí vận chuyển từ cảng đến thị trường và ngược lại	1000 VND/tấn	352,00
Phí vận chuyển từ Dự án đến thị trường và ngược lại	1000 VND/tấn	110,00
Hàm lượng ngoại thương trong chi phí vận chuyển		30%
Hệ số chuyển đổi chi phí vận chuyển		0,70

Trong chi phí tại cảng, 40% chi phí là hàng ngoại thương, 30% chi phí là lao động phổ thông khi có dự án thì lực lượng này cũng nhận được mức lương cao hơn. Các chi phí khác còn lại tại cảng giả định có hệ số chuyển đổi bằng 1.

Trong khi đó, đối với chi phí vận chuyển (bao gồm cả từ cảng đến thị trường và từ dự án đến thị trường), hàm lượng ngoại thương là 30% và các chi phí khác cho hệ số chuyển đổi bình quân là 0,70.

Anh/chị hãy xác định giá đậm kinh tế tại Dự án? Giải thích sự khác biệt so với giá tài chính (nếu có)?

### **Câu 3: Tính giá kinh tế của chi phí bảo hiểm dự án**

Khi dự án đi vào vận hành, ngoài các chi phí hoạt động, dự án còn chịu một khoản chi phí nữa là chi phí bảo hiểm. Dự án đã ký hợp đồng bảo hiểm toàn bộ công trình nhà máy với một công ty bảo hiểm trong nước. Tổng giá trị bảo hiểm là 20.000 tỷ VNĐ.

Hiện tại, khi không có dự án, mức phí bảo hiểm trên thị trường đối với các công trình công nghiệp dầu khí khâu sau là 0,4% một năm trên tổng giá trị bảo hiểm. Hiện trên thị trường, tổng giá trị bảo hiểm các công trình công nghiệp dầu khí khâu sau là 60.000 tỷ VNĐ. Với giá trị bảo hiểm lớn của dự án, mức phí bảo hiểm trên thị trường sẽ tăng lên thành 0,6% và dự kiến tổng giá trị bảo hiểm các hợp đồng bảo hiểm công trình công nghiệp dầu khí khi đó sẽ là 70.000 tỷ VNĐ. (Tức là việc dự án mua bảo hiểm sẽ làm tăng mức phí bảo hiểm, từ đó làm cho một số khách hàng mua bảo hiểm trước đây sẽ không mua bảo hiểm nữa và tổng giá trị bảo hiểm của các khách hàng trước đây sẽ giảm từ 60.000 xuống 50.000 tỷ VNĐ).

Để khuyến khích dịch vụ bảo hiểm công trình công nghiệp dầu khí khâu sau, nhà nước đang có chính sách trợ giá cho phí bảo hiểm ở mức 25%.

Anh/chị hãy vẽ đồ thị biểu diễn thị trường dịch vụ bảo hiểm công trình công nghiệp dầu khí khâu sau. Trên cùng đồ thị trên, hãy biểu diễn tác động khi có dự án. Lưu ý, đồ thị phải có ghi chú rõ ràng các điểm cân bằng thị trường, giá thị trường, giá cung, giá cầu, lượng cung, lượng cầu (cho cả khi có và không có dự án).

Anh/chị hãy tính toán các giá trị sau đây

- Thay đổi thặng dư của các nhà cung ứng dịch vụ bảo hiểm?
- Thay đổi thặng dư của các nhà tiêu dùng dịch vụ bảo hiểm?
- Thay đổi khoản trợ giá của nhà nước đối với dịch vụ bảo hiểm?
- Chi phí kinh tế của dịch vụ bảo hiểm và mức phí bảo hiểm kinh tế đối với dự án?

---HẾT---